

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 86-KL/TU ngày 30/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 08/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 234/TTr-STC ngày 09/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với các nội dung sau:

1. Tên nội dung: Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh Quy hoạch tỉnh).

2. Mục tiêu

- Nhằm cụ thể hóa các bước triển khai thực hiện công tác lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để cơ quan được giao nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (*Sở Tài chính*), các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ các Quy hoạch tỉnh Lào Cai và Yên Bái trước đây đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹ tổ chức triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; tham gia xây dựng các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả và có tính khả thi cao và đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Xác định rõ nội dung trọng tâm lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; phân công trách nhiệm, nhiệm vụ, thời gian thực hiện cụ thể cho các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan nhằm chủ động, phối hợp triển khai thực hiện đúng kế hoạch, tiến độ đề ra theo lĩnh vực, địa bàn và phạm vi quản lý.

3. Nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

a) Yêu cầu chung về nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường ở cấp tỉnh, liên xã, phường và định hướng bố trí trên địa bàn xã, phường.

b) Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

(1) Điều chỉnh về phạm vi, ranh giới quy hoạch cho phù hợp với phạm vi, địa giới hành chính tỉnh Lào Cai sau khi sáp nhập tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội và Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025;

(2) Điều chỉnh về quan điểm phát triển;

(3) Điều chỉnh về mục tiêu tổng quát đến năm 2035;

(4) Điều chỉnh về mục tiêu cụ thể đến năm 2035;

(5) Xác định lại tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh;

¹ Tại các Quyết định: Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Yên Bái

(6) Điều chỉnh về các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên phát triển;

(7) Cập nhật, điều chỉnh bổ sung một số nội dung của quy hoạch cao hơn trên địa bàn tỉnh (*Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch ngành quốc gia, ...*) và các nội dung phát sinh thực tiễn ở tỉnh cho phù hợp với phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh;

(8) Điều chỉnh bổ sung phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng và phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội cho phù hợp với không gian mới của tỉnh (*xác định lại hướng phát triển trục kinh tế và các vùng động lực, cực phát triển, vùng kinh tế, ...*);

(9) Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng (*Hệ thống đô thị; khu vực nông thôn; khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo; không gian phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản; thương mại, dịch vụ, không gian đảm bảo quốc phòng, an ninh, ...*);

(10) Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (*mạng lưới giao thông vận tải, năng lượng, cấp điện, thông tin và truyền thông; thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, ...*);

(11) Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (*mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe; giáo dục và đào tạo; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lao động, việc làm, an sinh xã hội, bảo trợ xã hội; văn hóa, thể dục, thể thao; thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm; cảng cạn, trung tâm logistics, kho hàng; khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng vui chơi giải trí, thể thao, ...*);

(12) Điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai;

(13) Điều chỉnh phương án quy hoạch xây dựng vùng liên xã của tỉnh, bãi bỏ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện;

(14) Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

(15) Cập nhật bổ sung các danh mục dự án ưu tiên đầu tư;

(16) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

(17) Điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các phụ lục kèm theo Quy hoạch tỉnh cho phù hợp với tỉnh mới;

(18) Xây dựng, chuẩn hóa các bản đồ kèm theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2050;

(19) Các nội dung khác có liên quan phát sinh trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

c) Nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh:

(1) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Lào Cai trong bối cảnh mới; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học.

(2) Rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch và phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn giai đoạn 2021-2025.

(3) Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh Lào Cai.

(4) Xác định phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

(5) Xác định phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội.

(6) Xác định phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; phát triển đô thị theo hướng giao thông công cộng (TOD).

(7) Xác định phương hướng phát triển các khu chức năng.

(8) Xác định phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

(9) Xác định phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.

(10) Xác định định hướng phát triển không gian ngầm.

(11) Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

(12) Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

(13) Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

(14) Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

(15) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

(16) Dự kiến các dự án quan trọng trên địa bàn tỉnh.

(17) Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch

(18) Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ.

(19) Xây dựng báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

(20) Xây dựng cơ sở dữ liệu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

4. Sản phẩm, tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

a) Sản phẩm: Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước

c) Tiến độ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

- Hoàn thành lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong quý I năm 2026.

- Hoàn thành việc công bố; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, nghiệm thu trong quý II/2026.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập điều chỉnh quy hoạch của tỉnh theo các nội dung cần điều chỉnh trong quyết định này; đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, TH (Việt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Huy Tuấn

PHỤ LỤC

Nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH LÀO CAI

- Quy hoạch tỉnh Lào Cai là công cụ quan trọng nhằm cụ thể hóa chiến lược phát triển quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc (vùng TDMNPB) và các quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn tỉnh; là cơ sở định hướng tổ chức không gian phát triển, phân bổ nguồn lực, kết nối liên vùng và điều phối các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường. Việc thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội, cùng với định hướng phát triển trong kỷ nguyên mới đã đặt ra yêu cầu khách quan về điều chỉnh quy hoạch tỉnh. Sự thay đổi về địa giới hành chính và quan điểm phát triển không chỉ tác động đến ranh giới, quy mô quản lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các định hướng chiến lược, không gian tổ chức phát triển và phân bổ nguồn lực. Do đó, quy hoạch tỉnh cần được rà soát, cập nhật và điều chỉnh toàn diện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và phản ánh đầy đủ chủ trương mới trên một không gian phát triển mở rộng. Đây là cơ sở quan trọng để tỉnh phát huy lợi thế quy mô sau sáp nhập, hình thành các cực tăng trưởng mới và thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn tới. Việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai là yêu cầu cấp thiết nhằm:

- Phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất không gian hành chính – đô thị mới của tỉnh đã được hình thành sau sắp xếp đơn vị hành chính, với diện tích là 13.256,92 km²; quy mô dân số là 1.778.785 người² trên phạm vi 99 đơn vị hành chính cấp xã (89 xã và 10 phường) trong mối liên hệ với vùng TDMNPB và cả nước. Quá trình sắp xếp này đã làm thay đổi căn bản cấu trúc không gian phát triển nội tại của tỉnh Lào Cai, hình thành mới các đơn vị hành chính có quy mô lớn hơn, mở ra “không gian mới, cơ hội phát triển mới”. Điều này đòi hỏi phải định hình lại hệ thống đô thị, cực phát triển và mạng lưới kết cấu hạ tầng của tỉnh.

- Cụ thể hóa quan điểm phát triển trong kỷ nguyên mới của Đảng và Nhà nước. Khẳng định định hướng chuyển dịch mô hình tăng trưởng sang đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; coi khoa học - công nghệ và chuyển đổi số là động lực chủ yếu. Đặc biệt là bốn Nghị quyết đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới gồm: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

² Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Định hướng của “Bộ tứ Nghị quyết trụ cột” này đặt ra yêu cầu cho điều chỉnh Quy hoạch tỉnh không chỉ là công cụ kỹ thuật trong quản lý mà còn phải thể hiện vai trò “dẫn dắt” trong tổ chức thực hiện chính sách đầu tư, phát triển phù hợp với xu thế thời đại. Đặc biệt là với địa phương có lợi thế tiềm năng trong thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có hàm lượng khoa học - công nghệ cao như tỉnh Lào Cai.

- Thực hiện Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi) đã xác định điều chỉnh quy hoạch của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp và để thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030. Đồng thời, tại Kết luận số 123-KL/TW ngày 24/01/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã xác định mục tiêu tăng trưởng năm 2025 đạt 8% trở lên và trong giai đoạn 2026-2030 liên tục đạt mức hai con số (trên 10%). Từ đây đặt ra yêu cầu mới cho tỉnh Lào Cai phải có sự phát triển mang tính đột phá hơn so với những phương hướng, kế hoạch đã xác định trước đây. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giúp đưa các mục tiêu này thành chỉ tiêu cụ thể và cấu trúc không gian phát triển rõ ràng, giải quyết thách thức về hạ tầng kết nối và môi trường. Quy mô dân số, công nghiệp và logistics tăng nhanh tạo áp lực lên hạ tầng giao thông, cấp - thoát nước, xử lý chất thải, nhà ở công nhân, dịch vụ y tế - giáo dục. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giúp bố trí hợp lý hạ tầng kỹ thuật, xác lập hành lang bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị thích ứng khí hậu.

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch các tỉnh Lào Cai và Yên Bái (trước khi sáp nhập) đã được phê duyệt và thực trạng giai đoạn 2021-2025, dự báo xu hướng phát triển đề khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Lào Cai (mới). Đảm bảo tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động về nguồn nội lực và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của tỉnh; liên kết chặt chẽ giữa các đơn vị hành chính cấp xã được thành lập mới trong tỉnh và với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, các địa phương lân cận, cả nước và quốc tế.

Như vậy, việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai không chỉ là yêu cầu, đòi hỏi khách quan mà là nhiệm vụ cấp thiết cần triển khai thực hiện nhằm bảo đảm cho quy hoạch đã được phê duyệt phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước để phát triển tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

II. CĂN CỨ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 123-KL/TW, ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Đề án bổ sung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025;

- Kết luận của Bộ Chính trị tại Công văn số 15902-CV/VPTW ngày 06/7/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật ngày 29/11/2024;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025.

- Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 12/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28/8/2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

- Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29/3/2023, Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lào Cai và Yên Bái thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Trên cơ sở kết quả thực hiện Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2025, thực hiện điều chỉnh, hợp nhất 02 Quy hoạch tỉnh Lào Cai (cũ) và tỉnh Yên Bái (cũ) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thành Quy hoạch tỉnh Lào Cai (mới) với các nội dung chính như sau:

(1) Điều chỉnh về phạm vi, ranh giới quy hoạch cho phù hợp với Phạm vi, địa giới hành chính tỉnh Lào Cai sau khi sáp nhập tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025;

(2) Điều chỉnh về quan điểm phát triển;

(3) Điều chỉnh về mục tiêu tổng quát đến năm 2035;

(4) Điều chỉnh về mục tiêu cụ thể đến năm 2035;

(5) Xác định lại tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh;

(6) Điều chỉnh về các khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên phát triển (bao gồm bổ sung, xác định các mục tiêu cụ thể đến năm 2035 theo đúng quy định của Luật Quy hoạch để đảm bảo thời kỳ quy hoạch là 10 năm);

(7) Cập nhật, điều chỉnh bổ sung một số nội dung của quy hoạch cao hơn trên địa bàn tỉnh (Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch ngành quốc gia...) và các nội dung phát sinh thực tiễn ở tỉnh cho phù hợp với phạm vi, ranh giới quy hoạch tỉnh;

(8) Điều chỉnh bổ sung phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng và phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội cho phù hợp với không gian mới của tỉnh (xác định lại hướng phát triển trục kinh tế và các vùng động lực, cực phát triển, vùng kinh tế,...);

(9) Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng (*Hệ thống đô thị; khu vực nông thôn; khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo; không gian phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản; thương mại, dịch vụ, không gian đảm bảo quốc phòng, an ninh, ...*);

(10) Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật (*mạng lưới giao thông vận tải, năng lượng, cấp điện, thông tin và truyền thông; thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, ...*);

(11) Điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (*mạng lưới y tế và chăm sóc sức khỏe; giáo dục và đào tạo; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lao động, việc làm, an sinh xã hội, bảo trợ xã hội; văn hóa, thể dục, thể thao; thương mại, dịch vụ, hội chợ, triển lãm; cảng cạn, trung tâm logistics, kho hàng; khu dịch vụ tổng hợp, nghỉ dưỡng vui chơi giải trí, thể thao, ...*);

(12) Điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai;

(13) Điều chỉnh phương án quy hoạch xây dựng vùng liên xã của tỉnh, bãi bỏ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện;

(14) Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

(15) Cập nhật bổ sung các danh mục dự án ưu tiên đầu tư;

(16) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;

(17) Điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các phụ lục kèm theo Quy hoạch tỉnh cho phù hợp với tỉnh mới;

(18) Xây dựng, chuẩn hóa các bản đồ kèm theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2026-2035, tầm nhìn đến năm 2050.

(19) Các nội dung khác có liên quan phát sinh trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

IV. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Quan điểm

- Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lào Cai phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch; phù hợp, thống nhất với định hướng của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Trung du miền núi phía Bắc (vùng TDMNPB) và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Kế thừa những quan điểm, định hướng phát triển còn phù hợp với tình hình thực tiễn; rà soát có chọn lọc những nội dung không còn phù hợp với điều kiện phát triển mới, đặc biệt là về tổ chức không gian, hệ thống kết cấu hạ tầng, định hướng liên kết các tiểu vùng, phân bổ nguồn lực. Bổ sung, phát triển những vấn đề mới trên cơ sở bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, có tư duy phát triển mới, đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để tạo đột phá về phát triển kinh tế của tỉnh,

kiến tạo không gian phát triển mới, tạo thêm các động lực tăng trưởng, phù hợp với khả năng cân đối, huy động các nguồn lực.

- Bảo đảm khai thác tối ưu các cơ hội của việc tổ chức lại địa giới hành chính cấp tỉnh, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp hướng đến sự phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh liên kết nội tỉnh và liên tỉnh; kiến tạo các trục, tuyến giao thông huyết mạch gắn với phát triển các hành lang kinh tế, các hành lang đô thị; phát triển toàn diện các tiểu vùng, địa phương, nhất là một số địa bàn trọng điểm, mang tính chiến lược; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ, kế thừa hệ thống quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch các tỉnh Lào Cai, Yên Bái đã được phê duyệt; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quan điểm, mục tiêu phát triển, các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển, định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội và các ngành, lĩnh vực của tỉnh Lào Cai. Phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp cùng mục tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030. Đây cũng là công cụ quan trọng để cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa các mục tiêu, định hướng của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng TDMNPB³ ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, chiến lược, lâu dài của hệ thống quy hoạch.

- Cụ thể hóa các chủ trương quan trọng, định hướng chiến lược từ nay đến năm 2030 của Đảng tại 04 Nghị quyết trụ cột⁴ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng.

- Xác định, điều chỉnh, bổ sung quan điểm, mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với mục

³ đang được điều chỉnh

⁴ Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng

tiêu tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026 - 2030; xác định lại vai trò, chức năng của tỉnh trong vùng TDMNPB, trong tổng thể quốc gia, gắn với mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bao trùm, tăng trưởng hai con số; xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển nhanh và bền vững trên cả ba trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai thống nhất, hiệu quả trên cơ sở kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng, gắn với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; phát triển các ngành, các vùng kinh tế - xã hội trong tỉnh có tính trọng tâm, trọng điểm gắn với việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Tạo cơ sở để xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quản lý và thu hút đầu tư, đẩy nhanh các khâu đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng; đồng thời loại bỏ các điểm nghẽn, hạn chế cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực, chú trọng khơi thông nguồn lực của khu vực kinh tế tư nhân trong hoạt động đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

- Xác định, điều chỉnh và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh; phương án phát triển, phân bổ nguồn lực trên địa bàn; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, đáp ứng yêu cầu quản lý chung công tác quản lý quy hoạch.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng TDMNPB và các quy hoạch ngành quốc gia.

3. Nguyên tắc

- Phù hợp với bối cảnh tình hình mới và các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là các chủ trương, chính sách đột phá về phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với việc sắp xếp các đơn vị hành chính.

- Phù hợp với tình hình thực tế về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai trong bối cảnh mới; đáp ứng yêu cầu về chủ động hội nhập quốc tế; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, các Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch; tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Bảo đảm tính khả thi, bền vững và dài hạn, tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo; phải phù hợp, linh hoạt gắn với yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh; phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn lực triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh Lào Cai.

- Bảo đảm tính mở, công khai, minh bạch, tính thị trường trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; nguyên tắc thị trường có sự quản lý của nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, địa phương và lợi ích của người dân trong lập, thực hiện quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu cụ thể về lập điều chỉnh quy hoạch

- Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về công tác quy hoạch: Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và nội dung quy định tại Luật Quy hoạch (sửa đổi), các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định có liên quan về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

- Nội dung điều chỉnh Quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã theo các Nghị quyết của Trung ương và Quốc hội⁵.

- Đảm bảo tính kế thừa, cập nhật và điều chỉnh có chọn lọc: Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quy hoạch tỉnh Lào Cai, và tỉnh Yên Bái đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt⁶.

- Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo gắn kết chặt chẽ liên kết, thống nhất và đồng bộ với các chiến lược phát triển quốc gia, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng TDMNPB và quy hoạch ngành quốc gia; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

- Phản ánh đầy đủ các xu thế phát triển mới và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng: Nhiệm vụ, nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cần xác định rõ các động lực mới của tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bao trùm và bền vững.

- Bảo đảm tính khả thi, có luận chứng khoa học, thực tiễn rõ ràng: Các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xây dựng trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn, bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện, đặc biệt là về tổ chức không gian, thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng.

5. Yêu cầu về phương pháp lập

Thực hiện nghiên cứu, khảo sát và phân tích hiện trạng, đánh giá các yếu tố, điều kiện, nguồn lực và bối cảnh phát triển của tỉnh, trên cơ sở đó đề xuất quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển, các định hướng ưu tiên cho tỉnh; xây dựng các phương án quy hoạch chi tiết về phát triển kết cấu hạ tầng, phân bổ và khoanh vùng đất đai theo từng khu chức năng và loại đất, chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã; đề xuất phương án bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai. Lập danh mục dự án dự án của tỉnh và xác định thứ tự ưu tiên thực hiện, theo,.... Tổ chức lấy ý kiến tham vấn của các bên liên quan, cộng đồng; tiếp thu giải trình các ý kiến và hoàn thiện quy hoạch trước khi phê duyệt.

⁵ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025

⁶ Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 29/3/2023, Quyết định số 1086/QĐ-TTg ngày 18/9/2023

V. PHẠM VI, RANH GIỚI, THỜI KỲ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Phạm vi ranh giới

- Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Lào Cai, có tổng diện tích tự nhiên 13.256,92 km²; trên phạm vi 99 đơn vị hành chính cấp xã (89 xã và 10 phường) trong mối liên hệ với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước.

- Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch: Phía đông giáp tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Phú Thọ; Phía tây giáp tỉnh Lai Châu; Phía nam giáp tỉnh Sơn La; Phía bắc giáp tỉnh Vân Nam của Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

2. Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ quy hoạch 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch (sửa đổi) và định hướng của hệ thống quy hoạch quốc gia.

VI. YÊU CẦU NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn phát triển mới của tỉnh Lào Cai sau sắp xếp lại đơn vị hành chính 2 cấp, việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh sẽ được triển khai toàn diện, bảo đảm đồng bộ từ nhiệm vụ đánh giá hiện trạng, tiềm năng, nguồn lực đặc thù của tỉnh đến định hướng không gian phát triển, phân bổ nguồn lực và xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện. Nội dung triển khai tập trung làm rõ đặc điểm và vai trò của tỉnh trong vùng TDMNPB và quốc gia; cập nhật các xu hướng phát triển mới; xác định các ngành có lợi thế, phương án tổ chức không gian phát triển, liên kết nội vùng, liên vùng, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đồng thời đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm và danh mục dự án dự kiến đầu tư nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các yêu cầu nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh bao gồm:

1. Yêu cầu về dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh

Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển của tỉnh Lào Cai trong thời kỳ quy hoạch cần phải đáp ứng những yêu cầu chính sau đây:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, các định hướng cấp quốc gia và vùng về phát triển nhanh và bền vững; đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo vệ và khai thác các nguồn tài nguyên một cách bền vững.

- Đảm bảo các yêu cầu khoa học và thực tiễn từ việc thu thập, xử lý số liệu, sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp đối với từng nội dung dự báo của các ngành, lĩnh vực.

- Xây dựng kịch bản phát triển cho dự báo phải phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới, quốc gia và vùng TDMNPB, đồng thời phải gắn với các định hướng lớn, đột phá của Đảng và Nhà nước như: “Bộ tứ Nghị quyết đột phá”, mở rộng không gian phát triển sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính chính quyền 2 cấp đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026-2030.

- Trong dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển cần quan tâm đến các đặc thù, tiềm năng, lợi thế phát triển riêng biệt của tỉnh, tiêu biểu như: Đánh giá tác động của các yếu tố quan trọng đến sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2021-2025; đồng thời dự báo các chỉ tiêu chủ yếu ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

2. Các nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Trên cơ sở thực tiễn rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch của 02 tỉnh Lào Cai và Yên Bái (cũ) đã được phê duyệt và các quy định hiện hành về công tác quy hoạch, yêu cầu đối với nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gồm:

Nội dung 1: Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh

a) Phân tích, tổng hợp đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

- Đánh giá tổng quan về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của tỉnh Lào Cai (về vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; khí hậu, thủy văn).

- Phân tích khả năng khai thác hợp lý vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên; làm rõ lợi thế và hạn chế đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai.

b) Phân tích, tổng hợp đánh giá về điều kiện xã hội

- Đánh giá tổng quan về quy mô, độ tuổi dân số. Phân tích tốc độ tăng tự nhiên và xu hướng di cư thuần của tỉnh Lào Cai.

- Đánh giá về đặc trưng văn hoá, của người dân. Phân tích các tác động của văn hoá, đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai.

- Mức độ thụ hưởng về điều kiện xã hội của tỉnh Lào Cai so sánh với các tỉnh trong vùng TDMNPB và cả nước.

c) Phân tích, tổng hợp đánh giá điều kiện về tài nguyên thiên nhiên và môi trường

- Phân tích, đánh giá để làm rõ thực trạng khai thác và sử dụng tài nguyên; dự báo khả năng có thể khai thác sử dụng trong giai đoạn 2026-2030 và những tồn tại, hạn chế, khó khăn, thách thức đặt ra trong quá trình khai thác.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Lào Cai; tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh Lào Cai.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá hiện trạng sử dụng các tài nguyên khác của Lào Cai; tính hợp lý và hiệu quả sử dụng tài nguyên của tỉnh Lào Cai.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá hiện trạng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên.

d) Phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh Lào Cai đối với vùng, quốc gia

- Vị thế phát triển của tỉnh Lào Cai trong cả nước: Trên cơ sở so sánh các chỉ tiêu hiện nay của Lào Cai so với cả nước, đánh giá vị thế phát triển của tỉnh Lào Cai.

- Phân tích, đánh giá vị trí, vai trò của tỉnh Lào Cai đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trong giai đoạn 2021-2025 và dự báo vị trí vai trò của tỉnh Lào Cai trong quy hoạch của vùng, cả nước.

- Đánh giá vị trí của tỉnh trong mối quan hệ với các tỉnh, thành phố trong vùng TDMNPB, với cả nước về giao thông, giao lưu kinh tế và văn hoá. Trong giai đoạn 2021-2025, lợi thế về vị trí này đã mang lại lợi ích gì cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai. Những lợi thế về vị trí địa lý của tỉnh đã được phát huy, những mặt chưa đạt được cần phát huy trong giai đoạn tới. Dự báo khả năng phát huy lợi thế về vị trí địa lý vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ tới.

đ) Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh Lào Cai

- Các yếu tố quốc tế: Bối cảnh và định hướng phát triển của khu vực, các Hiệp định thương mại tự do (FTAs) có liên quan đến thị trường cho các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Lào Cai; bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Các yếu tố quốc gia: Bối cảnh mới và định hướng lớn của quốc gia liên quan đến hội nhập quốc tế, các động lực, mô hình tăng trưởng mới, năng lực cạnh tranh, vị thế quốc gia trong khu vực và thế giới đặt ra các yêu cầu đối với phát triển tỉnh Lào Cai.

- Các yếu tố vùng: Bối cảnh mới và định hướng lớn của vùng Trung du và miền núi phía Bắc đặt ra các yêu cầu phát triển đối với tỉnh Lào Cai.

- Các yếu tố tác động từ các tỉnh, khu vực lân cận: Nhu cầu và thực trạng liên kết phát triển, giải quyết các mâu thuẫn phát triển giữa tỉnh Lào Cai và các địa phương lân cận.

e) Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Đánh giá tổng quan về các tác động của thiên tai và quá trình biến đổi khí hậu lên Lào Cai trong thời gian gần đây.

- Phân tích các thuận lợi và khó khăn của biến đổi khí hậu, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nội dung 2: Rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch và phân tích thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn giai đoạn 2021-2025

a) Rà soát, đánh giá và phân tích thực trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai; khả năng huy động nguồn lực

- Rà soát, phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển kinh tế của Lào Cai (trong đó có đánh giá môi trường đầu tư - kinh doanh, huy động nguồn lực...).

- Rà soát, phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực kinh tế và doanh nghiệp của Lào Cai; đặc biệt chú trọng đến tiềm năng phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

b) Rà soát, đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh Lào Cai gồm dân số, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ

- Rà soát, phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển xã hội nói chung (trong đó bao gồm cả trật tự an ninh, an toàn xã hội).

- Rà soát, phân tích, tổng hợp đánh giá thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực xã hội của tỉnh Lào Cai.

c) Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh Lào Cai, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh Lào Cai.

d) Rà soát, đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai

- Xác định, khoanh vùng các đối tượng lãnh thổ đã được khai thác chủ yếu cho các hoạt động kinh tế, xã hội.

- Đánh giá sự phù hợp về bố trí không gian các khu chức năng, cực tăng trưởng, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu chức năng đặc thù.

- Sự phù hợp về quy mô phát triển các công trình quan trọng.

- Sự phù hợp về sức chứa lãnh thổ.

đ) Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh Lào Cai và tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

e) Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức

- Xác định những tồn tại, hạn chế cần được giải quyết.

- Tổng hợp đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT).

Nội dung 3: Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển tỉnh Lào Cai

a) Xây dựng tư tưởng chủ đạo, tổ chức tham vấn từ đó xác định quan điểm phát triển tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn 2050

- Xác định chủ đề phát triển của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030 làm nổi bật được ý tưởng chủ đạo cho phát triển tỉnh Lào Cai phù hợp với lợi thế và đặc thù của tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng quan điểm về phát triển tỉnh Lào Cai.

- Xây dựng quan điểm về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Tổ chức tham vấn lấy ý kiến và tổng hợp kết quả tham vấn.

b) Xây dựng kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh Lào Cai

- Xác định các kịch bản phát triển, thảo luận để tìm ra kịch bản phù hợp, khả thi để triển khai các phương án phát triển.

- Dựa trên phương pháp chuyên gia kết hợp với phương pháp mô hình hóa toán học đề xuất 2 phương án phát triển kinh tế khác nhau (phương án chọn và phương án dự phòng).

+ Luận chứng phân tích và đề xuất lựa chọn một phương án phát triển hợp lý (phương án chọn) và đảm bảo tính khả thi để làm cơ sở triển khai thực hiện.

+ Bổ sung luận chứng cho phương án dự phòng (phương án dự phòng là phương án đặt mục tiêu thấp trong điều kiện khó khăn) làm cơ sở triển khai giải pháp mạnh để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Xác định mục tiêu phát triển cho tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Trên cơ sở dự báo phát triển, các quan điểm phát triển và điều kiện cụ thể (tiềm năng, lợi thế, hạn chế,...) và kết quả phân tích SWOT nhận diện các vấn đề. Điều chỉnh quy hoạch sẽ đưa ra luận chứng mục tiêu phát triển (gồm cả mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể):

- Các mục tiêu kinh tế: Xác định được tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với mục tiêu tăng trưởng kinh hai con số giai đoạn 2026-2030 của quốc gia, tổng giá trị sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giá trị xuất khẩu, thu nhập bình quân đầu người, vốn đầu tư phát triển, một số tỷ trọng so sánh với bình quân chung của cả nước đến năm 2030.

- Các mục tiêu xã hội: Về lao động, giáo dục, đào tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe, giảm nghèo và an sinh xã hội.

- Các mục tiêu môi trường: Về mức độ giảm ô nhiễm môi trường và bảo đảm các yêu cầu về môi trường trong sạch theo tiêu chuẩn môi trường.

- Các mục tiêu an ninh, quốc phòng: Mức độ ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế gắn với an ninh quốc phòng.

đ) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

Nội dung 4: Xác định phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Lào Cai

- Xác định ngành quan trọng của tỉnh Lào Cai và mục tiêu phát triển: Cần làm rõ những định hướng phát triển ngành kinh tế mũi nhọn, định hướng ưu tiên phát triển của tỉnh để làm cơ sở đề xuất định hướng mục tiêu phát triển và các giải pháp đầu tư hạ tầng, công trình bảo vệ môi trường liên quan.

- Phương hướng phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo tỉnh Lào Cai trong thời kỳ quy hoạch.

- Sắp xếp và tổ chức không gian phát triển các ngành quan trọng của tỉnh Lào Cai.

- Đề xuất giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh Lào Cai.

Nội dung 5: Xác định phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

- Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh Lào Cai với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.

- Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.

- Đề xuất phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên quan.

- Lựa chọn phương án sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai.

Nội dung 6: Xác định phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; phát triển đô thị theo hướng giao thông công cộng (TOD)

- Cụ thể hóa Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với tỉnh Lào Cai và các địa phương lân cận.

- Định hướng phát triển không gian đô thị tạo sự liên kết mang tính hệ thống giữa các khu vực phát triển đô thị trong tỉnh và các khu vực đô thị lân cận trong vùng Trung du miền núi phía Bắc.

- Nghiên cứu và xây dựng phương án phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2030.

- Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bổ hệ thống điểm dân cư; xác định khu quân sự, an ninh.

- Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Nội dung 7: Xác định phương hướng phát triển các khu chức năng

Xây dựng phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch; các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương hướng địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và đối tượng đã được kiểm kê di tích đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn.

Nội dung 8: Xác định phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thuỷ nội địa; sân bay; mạng lưới đường bộ, đường thuỷ liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển mạng lưới đường của tỉnh.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm: phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh.

c) Phương án phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, bao gồm: các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh.

d) Phương án phát triển công trình thuỷ lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, bao gồm: công trình thuỷ lợi, hệ thống cấp, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và công trình thuỷ lợi liên xã, hệ thống cấp nước, thoát nước liên xã.

đ) Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, bao gồm: các khu xử lý chất thải, chất thải nguy hại, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hoả táng đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và xác định khu xử lý chất thải, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hoả táng liên xã.

e) Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: hạ tầng phòng cháy, chữa cháy đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và hạ tầng phòng cháy, chữa cháy của tỉnh.

Nội dung 9: Xác định phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm: các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục – đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hoá, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội và hạ tầng xã hội khác.

Nội dung 10: Xác định định hướng phát triển không gian ngầm

- Phân vùng phát triển không gian ngầm gồm: khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực cấm xây dựng công trình ngầm.

- Định hướng phát triển không gian ngầm trên địa bàn tỉnh;

Nội dung 11: Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

- Định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đã được xác định; bảo đảm nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hoá, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội.

- Lập sơ đồ định hướng quy hoạch sử dụng đất tỉnh Lào Cai.

Nội dung 12: Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

- Xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Phương án về vị trí, quy mô, loại hình chất thải, công nghệ dự kiến, phạm vi tiếp nhận chất thải để xử lý của các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trên địa bàn.

- Phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí quốc gia, liên tỉnh và tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

- Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Sắp xếp, phân bố không gian các khu nghỉ trang, khu xử lý chất thải.

Nội dung 13: Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh

- Phân vùng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Khoanh định các khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác; khu vực thăm dò khai thác thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp.

Nội dung 14: Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước.

- Xác định các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước.

- Đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra hiện có; xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

Nội dung 15: Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

- Phân vùng rủi ro thiên tai đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn.

- Xây dựng nguyên tắc và cơ chế phối hợp thực hiện biện pháp quản lý rủi ro thiên tai.

- Xây dựng phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Nội dung 16: Dự kiến các dự án quan trọng trên địa bàn tỉnh

Nội dung 17: Giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện điều chỉnh quy hoạch

- Giải pháp về huy động vốn đầu tư.
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.
- Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ.
- Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.
- Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn.
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

Nội dung 18: Xây dựng hệ thống sơ đồ, bản đồ

a) Xây dựng hệ thống bản đồ được tích hợp theo hệ thống bản đồ chuyên ngành và các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành.

b) Biên tập hệ thống sơ đồ, bản đồ số và sơ đồ, bản đồ in sản phẩm cuối cùng

- Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh
- Các bản đồ về hiện trạng phát triển
- Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng
- Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn
- Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng
- Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội
- Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật
- Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất
- Sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên
- Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu
- Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên xã, liên phường (chung xã, chung đặc khu)
- Sơ đồ vị trí các dự án dự kiến ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch
- Các sơ đồ, bản đồ chuyên đề

Nội dung 19: Xây dựng báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

- Xây dựng báo cáo tổng hợp.
- Xây dựng báo cáo tóm tắt.

- Xây dựng báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.
- Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các văn bản có liên quan.

Nội dung 20: Xây dựng cơ sở dữ liệu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh trên cơ sở các quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 và Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025 của Chính phủ; Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

VII. CHI PHÍ VÀ TIẾN ĐỘ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Chi phí lập điều chỉnh Quy hoạch: Thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Tiến độ thực hiện

- Hoàn thành lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong quý I năm 2026.
- Hoàn thành việc công bố; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, nghiệm thu trong quý II/2026.

VIII. HỒ SƠ SẢN PHẨM LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Hồ sơ sản phẩm lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bao gồm:

1. Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Bảo đảm hình thức, bố cục phù hợp và trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành của pháp luật về quy hoạch.

3. Báo cáo tóm tắt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đủ thông tin, thể hiện được các nội dung quan trọng của Báo cáo tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

4. Hệ thống sơ đồ, bản đồ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Các sơ đồ, bản đồ bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành về bố cục trình bày, ký hiệu, tỷ lệ... đảm bảo theo quy định tại hiện hành của pháp luật về quy hoạch.

5. Hệ thống cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu của điều chỉnh quy hoạch tỉnh được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26/6/2023 và các quy định hiện hành khác. Thể hiện nội dung của điều chỉnh quy hoạch trên bản đồ GIS để tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

6. Các tài liệu có liên quan

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Dự thảo văn bản trình thẩm định;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến điều chỉnh quy hoạch tỉnh;
- Các tài liệu có liên quan khác.

Số lượng hồ sơ sản phẩm lập điều chỉnh: Sau khi hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đơn vị tư vấn nộp Chủ đầu tư sản phẩm cuối cùng, gồm hồ sơ in và file mềm với số lượng cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	10 bộ và file số	10 USB lưu toàn bộ file số của hồ sơ sản phẩm
2	Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh	10 bộ và file số	
3	Báo cáo tóm tắt điều chỉnh quy hoạch tỉnh	10 bộ và file số	
4	Hệ thống sơ đồ, bản đồ điều chỉnh quy hoạch tỉnh	File số	
5	Hệ thống cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch tỉnh	File số	
6	Các báo cáo nội dung đề xuất tích hợp trong điều chỉnh quy hoạch tỉnh	05 bộ và file số	
7	Các tài liệu có liên quan	10 bộ và file số	
